

NGOẠI NGỮ VỚI BẢN NGỮ

LỖI XUYÊN VĂN HOÁ VÀ LỖI DỊCH CÂU HỎI TIẾNG ANH CỦA NGƯỜI VIỆT

NGUYỄN ĐĂNG SỬ
(TS, Viện Đại học Mở Hà Nội)

1. Lỗi xuyên văn hoá

Như ta đều biết, học ngôn ngữ thứ hai (ngoại ngữ) là quá trình tiếp xúc với một nền văn hoá mới. Vì vậy lỗi xuyên văn hoá trong quá trình học ngôn ngữ thứ hai chủ yếu là do người học hay người sử dụng ngôn ngữ ấy đã thoát ra khỏi hệ thống tri thức vốn có, cố định của tiếng mẹ đẻ, đồng thời lại chưa xác lập được một hệ thống tri thức mới bao gồm :

a. Hệ thống tri thức về cấu trúc ngôn ngữ thứ hai

b. Hệ thống tri thức về đời sống văn hoá, tinh thần của các thành viên trong cộng đồng ngôn ngữ mà người học gọi là ngôn ngữ thứ hai (quan niệm, tư tưởng, cách thức tư duy, tâm lí, phương thức hoạt động, lối sống...). Chẳng hạn cách thức tư duy người Anh và người Việt có những khác nhau được thể hiện trong hai ngôn ngữ. Người Anh dùng giới từ “in” (trong) cho một không gian khép kín như bầu trời trong câu “Can you see a bird flying high **in** the sky?” nhưng người Việt Nam lại nói: “Anh có nhìn thấy con chim đang bay cao **trên** trời không?” (vì người Việt Nam nhận thức rằng trong hệ toạ độ không gian thì trời ở trên và đất ở dưới). Cũng tương tự như người Anh nói “**in bed**”, còn người Việt Nam dịch sang là “**trên giường**” (nghĩa là ở đây giường được người Việt Nam quan niệm trước hết như là một mặt phẳng). Chính vì lí do đó mà người Việt Nam khi nói tiếng Anh (ngôn ngữ thứ hai) hay mắc lỗi và thường nói là “**on bed**” theo cách tư duy của người Việt Nam; chẳng hạn, đáng lẽ phải hỏi “**Is the father in bed?**” (Có phải là bố đi ngủ rồi không?) thì sinh viên Việt Nam lại nói thành “**Is the father on bed?**” (Nghĩa câu

khác hẳn: Có phải bố đang nằm ở trên giường không?).

Trong tiếng Anh “**house**” để chỉ một công trình xây dựng cho người ở, thường cho một gia đình, hoặc một gia đình và những người ở thuê hoặc chỉ những người sống trong cùng một ngôi nhà (*building made for people to live in, usually for family or for a family and lodgers or people living in such a building*). Nhưng tiếng Việt, ngoài những nét nghĩa trên, “**nhà**” còn có nét nghĩa chỉ vợ hoặc chồng trong gia đình nên đã có trường hợp hai vợ chồng người Việt Nam khi nói chuyện bằng tiếng Anh với một bạn nam người Anh, người chồng đã giới thiệu: “**May I introduce my house to you?**” ý muốn nói “xin phép cho tôi được giới thiệu **nhà** tôi với anh”. Người bạn Anh đã hiểu ý nghĩa của lời giới thiệu trên theo cách tư duy của người Anh là đang nghe giới thiệu về ngôi nhà; phải sau khi được giải thích rõ thì người bạn Anh mới hiểu được.

Như vậy nguyên nhân cơ bản nhất của sự sai lệch ngữ nghĩa trong giao tiếp xuyên văn hoá là sự khác nhau tiềm tàng giữa hai hệ thống văn hoá. Trong giao tiếp xuyên văn hoá, nhiều khi khó có thể xác định đúng chỗ đứng của mình để dựng lên khung cảnh giao tiếp cho cả hai bên, khi đó các phương tiện giao tiếp sẽ mâu thuẫn và dẫn đến sự sai lệch ngữ nghĩa trong giao tiếp văn hoá. Như vậy lỗi xuyên văn hoá của người học ngôn ngữ thứ hai (ngoại ngữ) được thể hiện ở hai mặt:

1. Lỗi về tri thức cấu trúc ngôn ngữ bao gồm những lỗi về ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp. Lỗi này thường được diễn đạt bằng cách nói “sai về

cách dùng từ”, “sai về phát âm”, “sai về ngữ pháp”

2. *Lỗi về tri thức đời sống văn hoá, tinh thần* được thể hiện rõ nhất ở cách diễn đạt tuy đúng ngữ pháp nhưng người bản ngữ lại không nói như vậy.

2. Khảo sát các văn bản dịch có câu hỏi tiếng Anh và tiếng Việt

Để làm rõ những lỗi người Việt Nam nói chung, sinh viên Việt Nam nói riêng thường mắc, chúng tôi tiến hành hai khảo sát các văn bản dịch song ngữ từ tiếng Anh sang tiếng Việt và từ tiếng Việt sang tiếng Anh.

Chúng tôi áp dụng cách làm nói trên vì làm như vậy có thể dễ nhận thấy các lỗi hay mắc ở người Việt hơn, khi họ đã biết tiếng Anh khá tốt (đủ để dịch thuật) cũng như đang còn trong quá trình học tập để thụ đắc nó (đang là sinh viên). Ở đây chúng tôi chỉ xin trình bày phần khảo sát các văn bản dịch song ngữ từ tiếng Anh sang tiếng Việt.

Chúng tôi đã tiến hành khảo sát các văn bản tiếng Anh có các loại *câu hỏi đích thực* được dịch sang tiếng Việt với mục đích tìm ra những lỗi thường mắc của người Việt Nam khi chuyển dịch câu hỏi từ tiếng Anh sang tiếng Việt. Trên cơ sở đó, tìm ra những nguyên nhân mắc lỗi để phần nào giúp cho việc biên soạn giáo trình dịch được tốt hơn, phù hợp với người Việt Nam, và hi vọng ở một chừng mực nào đó có thể giúp cho sinh viên Việt Nam học tiếng Anh hiệu quả hơn.

Qua khảo sát chúng tôi thấy rằng người Việt Nam khi dịch các câu hỏi tiếng Anh thường mắc loại lỗi về cấu trúc ngôn ngữ (về ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp ...) nghĩa là người sử dụng ngoại ngữ đã dùng từ sai, đặt câu sai. Thí dụ:

Lord Goring. “*Have you missed me?*”

Marbel Chiltern. *Awfully*

Lord Goring. “*Then I’m sorry, I did not stay away long. I like being missed.*” (IH.46)

Nam tước Gorinh. “*Cô có thấy thiếu tôi không?*”

Mabon Sinhton. “*Thiếu ghê lắm.*”

Nam tước Gorinh. “*Nếu vậy thì tôi tiếc là đã không ở chỗ kia lâu hơn nữa. Tôi thích cô thấy thiếu tôi.*” (MNC. 47)

Qua đoạn thoại trên, chúng ta thấy có một lỗi về cách dùng từ. Trong văn cảnh của đoạn thoại trên từ “*missed*” ở đây phải dịch là “*nhớ*” mới phù hợp. “*Miss*” là một ngoại động từ đa nghĩa trong tiếng Anh. Người chuyển dịch đã sử dụng nét nghĩa không phù hợp của động từ này trong văn cảnh của đoạn thoại trên. Như vậy chúng ta nên dịch là:

Cô có thấy nhớ tôi không?

Nhớ ghê lắm.

Nếu vậy thì tôi tiếc là tôi đã không ở chỗ kia lâu hơn. Tôi thích để cô nhớ tôi!

Khi chuyển dịch “*missed*” thành “*nhớ*” trong tiếng Việt thì đoạn thoại trên mới đúng cách diễn đạt của người Việt Nam vì người Việt Nam hầu như không nói “*Anh thiếu em ghê lắm.*”

Khảo sát 2.050 câu hỏi tiếng Anh trong các văn bản nghệ thuật được dịch ra tiếng Việt, chúng tôi có nhận xét chung rằng: về cơ bản, các dịch giả, với trình độ ngoại ngữ ở mức cao đã chuyển dịch khá chính xác hình thức và nội dung các câu hỏi tiếng Anh sang tiếng Việt. Tuy nhiên, cũng có một số ít lỗi mà chúng tôi muốn nêu ra dưới đây. Có những trường hợp câu hỏi tiếng Anh được dùng để biểu thị một nội dung ngữ nghĩa nhất định, nhưng khi chuyển dịch sang tiếng Việt thì nghĩa không sát và không diễn đạt được đúng với hoàn cảnh giao tiếp. Thí dụ:

Mrs Chevely. “*And what is Lord Goring?*” (IH.140)

Bà Sêvely: “*Thế còn Nam Tước Gorinh?*” (IH.141)

Trong tiếng Anh khi dùng “*what*” trong câu hỏi, thông thường để hỏi về vật (cái gì?), nhưng khi “*what*” được dùng với danh từ hay đại từ chỉ người, nó có nét nghĩa hỏi về nghề nghiệp của ai đó như “*What is your sister?*” (Chị gái anh làm nghề gì?).

Như vậy câu hỏi “*What is Lord Goring?*” được dùng để hỏi cụ thể về công việc của nam tước Gorinh. Do vậy cần phải dịch sát với hoàn

cảnh và nội dung giao tiếp là: *Nam tước Gorinh làm gì?*

“*Nam tước Gorinh làm hội trưởng!*” (MNC. 141)

Cũng có thể trong những văn cảnh nhất định, nhiều khi người dịch không dịch theo ngữ nghĩa mà chỉ dịch theo ý khái quát (dịch văn học). Chính vì vậy mà câu hỏi đã được dịch không sát với nghĩa thực của nó và với lời dẫn. Thí dụ:

“*Great chance if you knew what you wanted. But what did he want?*” (GF. 162)

“*Nghe mà mê, miễn là biết đích xác mình thích gì. Vậy hắn có biết hay không?*” (BG. 251)

Lời chuyển dịch này không sát với nghĩa của câu, đi quá xa so với nghĩa thực của nó. Câu hỏi này nên dịch là: “*Vậy hắn thích gì nhỉ?*”

Trong tiếng Anh, cấu trúc “*it that/who*” được dùng trong các trường hợp người phát ngôn muốn nhấn mạnh các thành phần của câu (trừ động từ). Đôi khi người chuyển dịch đã không làm nổi bật được nét nghĩa này. Thí dụ:

Mrs Chevely. “*It was you who made him write that insolent letter to me? It was you who made him break his promise?*” (IH-156)

Bà Sêvêly: *Bà là người đã khiến ông ta viết cái thư láo xược đó cho tôi? Bà là người khiến ông ta nuốt lời hứa?* (MNC- 157)

Đây là hai câu hỏi Có – Không dạng khẳng định có chứa cấu trúc nhấn mạnh “*it ...who*”. Lời dịch chưa nêu nổi bật nét nghĩa nhấn mạnh trong nội dung nghi vấn của câu hỏi theo đúng ý định của người phát ngôn. Hai câu này nên dịch là: *Bà chính là người đã bắt ông ta viết cái thư láo xược đó cho tôi có phải không? Bà chính là người bắt ông ta nuốt lời hứa chứ gì?*

Có những trường hợp, người chuyển dịch đã không bám sát văn cảnh nên đã chuyển dịch nghĩa không phù hợp với hoàn cảnh giao tiếp. Thí dụ:

Sir Robert Chiltern. *Give me a week- three days!*

Mrs Chevely. *Impossible! I have to telegraph to Vienna tonight?*

Sir Robert Chiltern. *My God! What brought you into my life?*

Mrs Chevely. *Circumstance.*

Ngài Rôbôt Sinton: *Xin bà cho tôi một tuần lễ hoặc ít ra là ba ngày!*

Bà Sêvêly: *Không thể được. Đêm nay tôi phải đánh điện về Viên.*

Ngài Rôbôt Sinton: *Trời ơi, ai đưa bà vào giữa đời tôi ?*

Bà Seevely: *Hoàn cảnh.*

What trong tiếng Anh là một từ dùng để hỏi (Q-word) hay thường gọi là từ nghi vấn. Nó không dùng để hỏi cho những đối tượng mang đặc tính của con người mà nó dùng để hỏi cho vật, đồ vật hay sự việc trong các hoàn cảnh cụ thể.

Như vậy người chuyển dịch câu hỏi “*What brought you into my life?*” sang tiếng Việt thành “*Trời ơi, ai đã đưa bà vào giữa đời tôi?*” là không sát với nghĩa của “*What*”. Trong đoạn thoại trên, bà Sêvêly đã ép ngài Rôbôt Sinton phải rút bản báo cáo về và ủng hộ kế hoạch làm ăn của bà ta. Nếu ngài Rôbôt Sinton không rút báo cáo, thì sự nghiệp của ông sẽ bị bà Sêvêly làm cho tiêu tan. Ngài Rôbôt Sinton đã xin lui thời gian lại, nhưng bà Sêvêly không đồng ý; do đó ông có hàm ý trách móc khi hỏi bà Sêvêly. “*What*” trong trường hợp này không thể chuyển dịch thành “*ai*” trong tiếng Việt được mà phải chuyển dịch thành “*cái gì*”, bởi ngay sau đó bà Sêvêly đã trả lời ngài Rôbôt Sinton rằng do *hoàn cảnh* mà bà buộc phải gặp ngài Rôbôt Sinton. Tóm lại, câu hỏi đó nên chuyển dịch như sau: “*Cái gì đã đưa bà đến với tôi?*”

“*What*” trong tiếng Anh được chuyển nghĩa hỏi cho *phương thức hoạt động* ở một số trường hợp, tương đương với “*thế nào, như thế nào*”. Đôi khi “*What*” còn được dùng để hỏi về *giá cả*. Thí dụ:

Lord Goring. *What is your price for it?*

Nam tước Gôrinh: *Bà đòi giá như thế nào?*

Như vậy, trong trường hợp này, người dịch đã sử dụng nét nghĩa hỏi cho *phương thức hoạt động* thay cho nét nghĩa hỏi về *giá cả* của *What*. Người Việt Nam thường dùng “*bao nhiêu*” tương đương với “*how much*” trong các trường hợp tương tự như thế này. Vì vậy, câu

hỏi “*What is your price for it?*” nên được chuyển dịch sang tiếng Việt là: “*Bà đòi giá bao nhiêu?*”

Nhiều khi do áp lực của cấu trúc tiếng Anh nên người chuyển dịch đã bị ảnh hưởng cách diễn đạt của người Anh và chuyển dịch không phù hợp với cách diễn đạt của người Việt. Thí dụ:

Lord Caversham: *Which is the most comfortable chair?*

(*Đâu là cái ghế ngồi dễ chịu nhất?*)

“*Which*” là từ để hỏi trong các câu hỏi mang nét nghĩa lựa chọn trong tiếng Anh. Do đó nên dịch sang tiếng Việt theo cách diễn đạt thông thường của người Việt Nam là: *Cái ghế nào ngồi dễ chịu nhất?*

Câu hỏi phủ định trong tiếng Anh được sử dụng khá rộng rãi, biểu lộ sắc thái ngạc nhiên của người nói và chờ đợi câu trả lời phủ định “No” từ phía người nghe. Trong khi dịch sang tiếng Việt, có lẽ do người chuyển dịch không chú ý đến nét nghĩa này của câu hỏi Có-Không dạng phủ định trong tiếng Anh, nên đã chuyển dịch không sát với văn cảnh, nội dung của câu hỏi và ý định của người hỏi. Thí dụ:

[20] *It is nearly four o'clock in the afternoon, sir. Don't you feel hungry?* (JE.470)

Gần bốn giờ chiều rồi ông ạ, ông có thấy đói không? (JE.433-2)

Khi Jên Eơ nhận ra rằng trời đã xế chiều, đã đến giờ ăn cơm, con *pilot* đã về nhà để ăn rồi, nhưng ông Rôchextơ vẫn còn ngồi nói chuyện với Jên Eơ về việc đính hôn nên cô đã xem đồng hồ và hỏi ông: “*Don't you feel hungry?*”. Trong hoàn cảnh cụ thể này, nên dịch câu hỏi đó sang tiếng Việt là: “*Ông không thấy đói ư à?*”. Dịch như vậy mới bộc lộ được vẻ ngạc nhiên và sát với ý định của người hỏi.

Có trường hợp người chuyển dịch đã tách câu hỏi lựa chọn ra thành hai câu hỏi Có-Không riêng biệt như:

Is the nurse here or is there no one in the room but you? (JE. 250)

Chị người làm có ở đây không? Hay ngoài cô ra không còn ai ở trong buồng này nữa? (JE.382)

Đây là câu hỏi của bà Rit đưa ra khi đang nằm trên giường bệnh, về đầu của câu hỏi bà để ở dạng khẳng định và về sau có cấu trúc “*no one but*” mang hình thức phủ định, nhưng có nghĩa khẳng định để Jên Eơ lựa chọn và xác nhận thông tin trả lời cho phù hợp với thực tại khách quan. Thực lòng, bà Rit không muốn có chị người làm, không muốn có bất kì ai ngoài cô cháu gái Jên Eơ ở trong phòng để nói chuyện riêng giữa hai người. Chính vì vậy mà câu hỏi trên nên dịch sang tiếng Việt là:

Chị người làm ở đây hay ngoài cô ra không còn ai trong buồng này nữa?

3. Như vậy, trong quá trình khảo sát, chúng tôi nhận thấy người Việt Nam nói chung và sinh viên Việt Nam nói riêng thường thiếu hụt một trong hai, thậm chí có trường hợp thiếu hụt cả hai tri thức: về *cấu trúc ngôn ngữ* và về *văn hoá dân tộc, văn hoá ngôn ngữ* trong quá trình học ngoại ngữ.

Tài liệu tham khảo

1. Đỗ Hữu Châu (1995), *Giáo trình giản yếu về ngữ dụng học*, Nxb GD- ĐH SP Huế.
2. Nguyễn Văn Chiến (1992), *Ngôn ngữ học đối chiếu và đối chiếu các ngôn ngữ Đông Nam Á*, Trường ĐHSPNN xuất bản.
3. Nguyễn Đức Dân (2000), *Ngữ dụng học, Tập 1*, Nxb GD.
4. Lê Đông (1996), *Ngữ nghĩa- ngữ dụng câu hỏi chính danh (trên ngữ liệu tiếng Việt)*, Luận án phó TS.
5. Lê Đông (1985), *Câu trả lời và câu đáp của câu hỏi*, Ngôn ngữ số phụ số 1.1985.
6. Nguyễn Thiện Giáp (2000), *Dụng học Việt ngữ*, Nxb ĐHQG HN.
7. Alexander, LG (1999), *Right word wrong word*, Longman. New York.
8. Berman, S (1994), *On the semantics of WH-clause*, New Garland Publishing, Inc, New York & London.
9. Blum-Kulka, S (1987), *Indirectness and politeness in requests: same or different?*, Journal of Pragmatics, 11. pp.145-160.

(Ban Biên tập nhận bài ngày 18-05-2010)